

Số: 105/2023/QĐST-HNGĐ

H, ngày 24 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 834/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu Q- sinh năm 1978.

HKTT và nơi cư trú: Số 61 tổ 8A phường C, quận B, thành phố H.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T- sinh 1982.

HKTT: Phòng 1008 Nơ 6A, tổ 27, phường H, quận H, thành phố H (HKTT mới: Phòng 904 Nơ 3 phường H, quận H, thành phố H.

Nơi cư trú: Phòng 1008 Nơ 1B, phường H, quận H, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2023;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Hữu Q và chị Nguyễn Thị Thu T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Q, chị T cùng xác nhận có 02 con chung là cháu

Nguyễn Phương L – sinh ngày 08/11/2018 và Nguyễn An C – sinh ngày 17/12/2020. Anh, chị thỏa thuận giao hai con Nguyễn Phương L và Nguyễn An C cho chị Trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh Q cấp dưỡng nuôi con chung 06 triệu đồng/tháng/2 con (03 triệu đồng/ 1con/1 tháng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2023 cho đến khi con đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Anh Q, chị T cùng xác nhận không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về các khoản nợ chung: Anh Q, chị T xác nhận không có các khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Anh Q tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng Anh Q đã nộp theo biên lai số 50730 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Anh Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường H, quận H, H (ĐKKH số 139 ngày 06/11/2014);
- Chi cục THA dân sự quận H;
- TAND thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng T